

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Công Du

Ông Lê Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2020/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 470/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị B; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đào Xuân T; nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2020, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị Phạm Thị B và anh Đào Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 12 năm 2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh T ở thôn

T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh T còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên ăn ở, sinh hoạt ở nhà người phụ nữ này từ cuối năm 2018, thỉnh thoảng anh T mới về nhà và yêu cầu chị B vay tiền hoặc bán đất để đưa tiền cho anh T trả nợ, dẫn đến vợ chồng xảy ra xô xát, cãi nhau. Chị B và gia đình đã khuyên bảo để anh T thay đổi nhưng không có kết quả. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh T, quan hệ vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên chị xin ly hôn anh Đào Xuân T.

Về con chung: Chị B khai anh chị có 02 con chung là Đào Thị A, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1997 và Đào Phương T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2001. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị B khai chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Xuân T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không đến tòa án để giải quyết việc chị B xin ly hôn anh nên không có lời khai của anh T.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình anh T, chị B thể hiện: Quá trình chung sống giữa anh T và chị B phát sinh mâu thuẫn, anh T chơi bời cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Hiện anh T thường xuyên đến ăn ở và sinh hoạt tại nhà người phụ nữ tên là Trần Thị Hợp ở khu V, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn chị Phạm Thị B đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Đào Xuân T không đến tham gia tố tụng tại tòa án là chưa chấp hành quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn anh Đào Xuân T. Về con chung: Chị B khai anh chị có 02 con chung là Đào Thị A, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1997 và Đào Phương T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2001, cả hai con đều đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng không đặt ra, không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung: Chị B khai chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải

quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị B có đơn khởi kiện đề nghị xin ly hôn với anh Đào Xuân T. Anh T có nơi cư trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đào Xuân T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị B và anh Đào Xuân T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Phạm Thị B và anh Đào Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Tiến, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 12 năm 2001. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh T lười lao động, không quan tâm đến vợ con, hay chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh T còn thiếu chung thủy với chị B, hiện anh đang chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Như vậy, xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị B xin ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con chung là Đào Thị A, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1997 và Đào Phương T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2001. Hiện các con chung đều đã trưởng thành, khỏe mạnh, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị B khai anh chị tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Chị Phạm Thị B và anh Đào Xuân T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị B được ly hôn anh Đào Xuân T.
2. Về con chung: Chị Phạm Thị B khai anh chị có 02 con chung là Đào Thị A, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1997 và Đào Phương T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2001, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và khỏe mạnh, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị B khai chị và anh Đào Xuân T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị B đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011336 ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị Phạm Thị B đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo bản án: Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị B và anh Đào Xuân T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- UBND xã A, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thanh Vân

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA